

KẾ HOẠCH

Phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; trên cơ sở đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1657a/TTr-STTTT ngày 30/11/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU CHUNG

- Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số theo mục tiêu định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và phù hợp tình hình phát triển KT-XH của tỉnh.

- Phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi từng bước đưa hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước lên môi trường mạng, thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số và dữ liệu, cho phép người dân và doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ.

- Ưu tiên cung cấp dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Định hướng mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp và tổ chức khác tham gia một cách phù hợp vào hoạt động của cơ quan nhà nước, tương tác với cơ quan nhà nước để cùng tăng cường minh bạch, nâng cao chất lượng dịch vụ, cùng giải quyết vấn đề và cùng tạo ra giá trị cho xã hội.

- Giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ngãi thực hiện ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, bảo đảm các giao dịch hành chính, dịch vụ công, xử lý công việc trên môi trường mạng, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính quyền điện tử và hình thành Chính quyền số.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2025

1. Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- 100% dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng

đã cung cấp trước đó theo thoả thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

- Tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập liệu một lần.

- Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

2. Huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Tối thiểu 50% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

- 100% cổng dịch vụ công cấp tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số.

3. Vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước

- 100% cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần. 100% công chức được gắn định danh trong xử lý công việc.

- 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định pháp luật.

- 90% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% công tác báo cáo được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

- 100% hồ sơ được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- Tối thiểu 50% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 50% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số.

4. Giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế - xã hội

- Mỗi người dân có danh tính số kèm theo QR code, tiến tới đều có điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng.

- Mỗi người dân đều được sống trong môi trường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội và có quyền riêng tư cá nhân trong môi trường số được bảo vệ theo quy định của pháp luật.

- Tiến đến mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Mỗi trạm y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế xã trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Mỗi bệnh viện, trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh.

- Phân đấu mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số.

- Người nông dân đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng.

- Các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ và vừa đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh. Mỗi cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp có thể dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số.

III. TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

- Phân đấu đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi có xếp hạng cao về phát triển Chính quyền số, Chuyển đổi số thuộc nhóm 20 dẫn đầu cả nước.

- Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi chuyển đổi cách thức phục vụ nhân dân, doanh nghiệp giảm chi phí, tăng năng suất của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi, mang lại sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động của cơ quan nhà nước để cùng tạo ra giá trị, lợi ích, sự hài lòng, niềm tin và đồng thuận xã hội.

- Chính quyền số tỉnh Quảng Ngãi chuyển đổi cách thức tổ chức, vận hành, môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Tổ chức rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo điều kiện tốt nhất phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.
- Xây dựng Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quy chế quản lý, vận hành khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.
- Cập nhật, xây dựng các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh đảm bảo đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu.
- Cập nhật quy chế, chính sách bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước (CQNN) trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng quy trình vận hành các hệ thống CNTT của tỉnh nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện/cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống.

2. Phát triển hạ tầng số

- Kết nối hạ tầng CNTT của các cơ quan vào mạng Truyền số liệu chuyên dùng của Chính phủ, đảm bảo kết nối thông suốt 03 cấp hành chính từ tỉnh đến xã và với Trung ương, mở rộng các đối tượng liên quan tham gia một cách thống nhất, đồng bộ và tin cậy phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.
- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm dữ liệu tỉnh để đảm bảo năng lực lưu trữ, khả năng dự phòng, đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng dùng chung và phát triển chính quyền số trong tỉnh; số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.
- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các sở, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.
- Xây dựng và phát triển Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi (Trung tâm IOC).

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

- Xây dựng, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL nội bộ của tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của quốc gia (NDXP) theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.
- Phát triển hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh

mạng (SOC) cho hệ thống thông tin của tỉnh và kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia.

- Phát triển nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động cho phép người dân và doanh nghiệp có thể định danh trên không gian số và sử dụng mọi dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, mọi lúc, mọi nơi.

- Xây dựng Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính quyền số.

- Phát triển các nền tảng, hệ thống sử dụng trong phạm vi sở, ban, ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Phát triển dữ liệu

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ các sở, ban, ngành, địa phương, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh và quốc gia; thực hiện chia sẻ tích hợp dữ liệu chuyên ngành của sở, ban, ngành, địa phương; mở dữ liệu của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho cơ quan nhà nước.

- Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp nhằm tập trung tổng hợp, phân tích dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền số, hướng tới việc hình thành kho dữ liệu dùng chung.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ số

- Phát triển hệ thống tích hợp Cổng dịch vụ công - Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính quyền số và các hệ thống cần thiết khác. Ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ.

- Phát triển dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết. Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

- Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (cấp sở, huyện, xã), từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của CQNN các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Triển khai các hệ thống làm việc từ xa (theo hướng thuê dịch vụ) nhằm đa dạng hóa các hình thức làm việc.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài sở, ban, ngành và địa phương theo nhu cầu.

- Các sở, ban, ngành triển khai ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp, an toàn từ cấp tỉnh đến cấp xã để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

- Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, di động, Internet vạn vật, trí tuệ nhận tạo, chuỗi khối, mạng xã hội,... trong xây dựng, triển khai ứng dụng, dịch vụ chính quyền số để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hóa, thông minh hóa, ưu tối hóa các quy trình xử lý công việc.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng, phát triển (hoặc thuê dịch vụ CNTT) Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh Quảng Ngãi.

- Xây dựng hệ thống thẩm định an ninh mạng, kiểm tra an ninh mạng, đánh giá điều kiện an ninh mạng, giám sát an ninh mạng, ứng phó khắc phục sự cố an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin quan trọng.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính quyền số.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, các nhà mạng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Chính quyền số.

- Tham gia vào mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia, các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối, phát động.

- Tập huấn về an toàn thông tin; Nâng cao kỹ năng an toàn thông tin cho đội ngũ công chức viên chức trên môi trường số. Tổ chức đào tạo hoặc cử cán bộ chuyên trách, phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn về bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sát hạch an toàn thông tin.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, kiến thức Chính quyền số, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong Chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT trong các CQNN.

- Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước.

- Tăng cường xây dựng đội ngũ chuyên gia an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

- Xây dựng kế hoạch, cử cán bộ tham gia đào tạo, đào tạo lại, bổ sung kiến thức theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm phục vụ tốt quản trị, vận hành, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của các thiết bị, phần mềm và CSDL tại Trung tâm dữ liệu tỉnh.

- Rà soát, bố trí, sắp xếp, bổ sung cán bộ chuyên trách CNTT cấp huyện, cán bộ cấp xã (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về CNTT) đảm nhận nhiệm vụ CNTT.

V. GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, bộ máy, mạng lưới

- Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và chính quyền từ cấp tỉnh đến cấp xã để triển khai Chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ tỉnh đến xã với nòng cốt gồm các đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của sở, ban, ngành, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp và đại diện doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

2. Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số

- Phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm kỹ năng cần thiết cho công dân số.

- Rà soát, cập nhật khung năng lực, chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin tích hợp kỹ năng cho cán bộ, công chức viên chức nhà nước. Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình đào tạo quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương. Tổ chức đào tạo, sát hạch, thi tuyển, thi nâng ngạch trực tuyến đảm bảo minh bạch, chất lượng.

- Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan nhà nước các cấp về chính quyền số, Kiến trúc

Chính quyền điện tử/Chính quyền số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện đội ngũ chuyên gia về Chính quyền số tạo lực lượng nòng cốt, lan tỏa kiến thức, kỹ năng cho phát triển Chính quyền số.

- Tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức hàng năm để sẵn sàng chuyển đổi môi trường làm việc sang môi trường số.

3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ số cho người dân và toàn xã hội về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số.

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về Chính quyền điện tử, Chính quyền số và chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh quy mô cấp tỉnh nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về Chính quyền số, chuyển đổi số.

4. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Huy động doanh nghiệp bằng các hình thức thuê dịch vụ, tham gia hoạt động có liên quan tại Kế hoạch này theo quy định.

- Thử nghiệm sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số có kiểm soát, xác định rõ phạm vi không gian và thời gian thử nghiệm, để khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

- Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội; hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

5. Nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ lõi

- Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng nền tảng mở, mã nguồn mở phục vụ Chính quyền số

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ hành chính hiện đại, tối ưu hóa mẫu biểu, quy trình để tổ chức áp dụng trong môi trường số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai, phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số như điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, dữ liệu lớn,...

- Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghệ số để làm chủ các công nghệ cốt lõi trong Chính quyền số.

- Ưu tiên sử dụng các sản phẩm, giải pháp, công nghệ thiết kế, sản xuất

bởi các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam trong các hệ thống Chính quyền số.

6. Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số.

- Rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng loại bỏ bớt, đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể áp dụng hiệu quả công nghệ số.

7. Tăng cường hợp tác

- Đẩy mạnh thu hút hợp tác về khoa học, công nghệ với các đối tác, đặc biệt là các Cục, Vụ, Học viện, các trường đại học... có trình độ khoa học công nghệ tiên tiến; khuyến khích đội ngũ tại tỉnh chủ động tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh/thành phố về cơ chế, chính sách phát triển mô hình Chính quyền số cấp tỉnh, huyện và xã. Chủ động hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông và công nghệ thông tin để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

- Lồng ghép nội dung về liên kết, thu hút, đầu tư về khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin và các nội dung làm việc với các đối tác nước ngoài cũng như các hoạt động đối ngoại nói chung, nhất là cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8. Bảo đảm kinh phí để thực hiện Kế hoạch

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định; chủ động huy động kinh phí từ các nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ, LỘ TRÌNH VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi

Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo mục tiêu, chỉ tiêu và tiến độ đề ra.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và phối hợp với các cấp, các ngành triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả, định kỳ báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh theo quy định.

- Chủ trì cập nhật và tham mưu Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh: điều chỉnh Kế hoạch này để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; trên cơ sở Kế hoạch này, tham mưu ban hành Kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số hàng năm.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trong việc tham mưu phân bổ nguồn lực và phân kỳ thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch, đảm bảo đạt mục tiêu cụ thể và tổng thể của Kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các ngành, các cấp và Nhân dân về nội dung Kế hoạch này.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách chế độ báo cáo trong cơ quan nhà nước.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức đôn đốc, kiểm tra tình hình thực tế thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các sở, ban ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính và nhiệm vụ tổng thể cải cách hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Bộ tiêu chí cải cách hành chính đảm bảo gắn kết chặt chẽ phát triển chính quyền số với hoạt động cải cách hành chính, Chính quyền số trở thành công cụ đặc lực thúc đẩy cải cách hành chính nhà nước.

5. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch của các đơn vị dự toán cấp tỉnh lập và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Cân đối, tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các Dự án của Kế hoạch này.

7. Các sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố

- Hàng năm, căn cứ Kế hoạch này và hướng dẫn của Sở Thông tin và

Truyền thông, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện, trong đó xác định cụ thể mục tiêu, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm phải thực hiện để bảo đảm hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo nội dung của Kế hoạch này; báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) kết quả thực hiện.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ ứng dụng CNTT, thực hiện phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng CNTT, thực hiện Chính quyền điện tử/Chính quyền số vào kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này là một trong những tiêu chí đánh giá trách nhiệm và bình xét thi đua, khen thưởng đối với người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Khi đầu tư ứng dụng CNTT, thực hiện phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số phải đảm bảo hiệu quả, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, tránh chồng chéo, manh mún. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, triệt để sử dụng các sản phẩm phần mềm do bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ Trung ương đến cấp tỉnh.

- Định kỳ từ năm 2022 trở đi, tiến hành sơ kết Kế hoạch vào cuối năm, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch năm tiếp theo.

8. Tỉnh đoàn

Chỉ đạo hệ thống tổ chức đoàn cơ sở các cấp cử đầu mối tận cấp xã, tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số do Sở Thông tin và Truyền thông điều phối; chủ động phát động các chiến dịch đoàn viên thanh niên tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số, hỗ trợ, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ Chính quyền số.

9. Các hiệp hội, hội, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Phát động hội viên, doanh nghiệp chủ động làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ có chất lượng; tham gia cùng Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, khảo sát, đánh giá mức độ phát triển Chính quyền số của tỉnh Quảng Ngãi.

10. Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh

- Cử đầu mối phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham gia mạng lưới hỗ trợ triển khai Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

- Bố trí nguồn lực để phát triển hạ tầng số, các nền tảng số, hệ thống, dữ liệu số, các ứng dụng, dịch vụ mới, nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ số cốt lõi phục vụ phát triển Chính quyền số.

11. Chế độ báo cáo

- Giám đốc các sở, ban ngành, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND

tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch này; đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hàng năm (trước ngày 15/12) gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31/12.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Kế hoạch này hàng Quý, 6 tháng và hàng năm theo quy định.

Kế hoạch này thay thế cho Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc cần phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung liên quan cho phù hợp thực tiễn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.

CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC

**MỘT SỐ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ
HƯỚNG TỚI CHÍNH QUYỀN SỐ TỈNH QUẢNG NGÃI**
(Kèm theo Kế hoạch số 169 /UBND-KH ngày 10 /12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khải toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
II. Hoàn thiện môi trường pháp lý											
1	Xây dựng Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh và Hệ thống thông tin, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã	2022							
2	Đề án xây dựng phát triển Đồ thị thông minh tỉnh Quảng Ngãi	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022	1.532	1.532					Đã có chủ trương
3	Cập nhật quy chế, chính sách bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước (CQNN) trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025							
4	Cập nhật, xây dựng các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung của tỉnh đảm bảo đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, xã	2022-2025							
II. Phát triển hạ tầng số											

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
1	Phát triển Trung tâm dữ liệu số của tỉnh Quảng Ngãi từ Trung tâm dữ liệu hiện có, đảm bảo năng lực triển khai Chính quyền số	Các sở: TT&TT, TC, NV, TNMT; Văn phòng UBND tỉnh		2022-2025	10.000			5.000	5.000	CTX	
2	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT tại UBND cấp huyện và cấp xã (bao gồm thiết bị cho Bộ phận 1 cửa)	UBND cấp huyện	UBND cấp xã	2022-2025	40.000	10.000	10.000	10.000	10.000	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
3	Nâng cấp thiết bị và mạng máy tính tại các Sở, ban, ngành; đơn vị hành chính thuộc tỉnh	Sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp		2022-2025	16.000	4.000	4.000	4.000	4.000	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
4	Dự án Xây dựng Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở Ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND cấp huyện, cấp xã	2022-2024	45.000	10.000	25.000	10.000		CDTPT	Đã có chủ trương
5	Kết nối mạng diện rộng bằng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, nhà nước và triển khai mạng internet băng rộng để phục vụ Chính quyền số	Sở Thông tin và Truyền thông; Các sở ban, ngành, UBND cấp huyện, xã	Các DN viễn thông và cơ quan, đơn vị liên quan	2022-2025	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
6	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2023-2024	20.000		10.000	10.000		CTX	Đã có chủ trương
III	Phát triển nền tảng, hệ thống										

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
1	Xây dựng, phát triển nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành	2022-2024	21.000	3.500	14.500	3.000		CTX, CDTPT	
2	Xây dựng nền tảng Chính quyền số tỉnh (nền tảng CSDL thực hiện theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở ban ngành; UBND cấp huyện	2022-2025	20.000	5.000	5.000	5.000	5.000	CTX	
3	Hệ thống nền tảng phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra	Thanh tra tỉnh	Thanh tra cấp tỉnh; cấp huyện	2022-2025	5.000	1.000	2.000	1.000	1.000	CTX	
4	Nâng cấp Hệ thống Thư điện tử công vụ tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh		2022-2023	2.000	1.500	500			CTX	
5	Xây dựng bản đồ số tỉnh Quảng Ngãi làm nền tảng phát triển các dịch vụ số	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	20.000	7.000	5.000	3.000	5.000	CTX	
6	Xây dựng Hệ thống giám sát đo lường mức độ sử dụng dịch vụ Chính quyền số của các cơ quan nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	4.000		2.000	1.000	1.000	CTX	
IV. Nguồn đầu tư											
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành	2022-2025	40.000	100	20.000	10.000	9.900	CDTPT	Đã có chủ trương
2	Số hóa kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ	2022-2025	80.000	20.000	20.000	20.000	20.000	CTX	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
3	Hệ thống thông tin Quản lý Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Sở Xây dựng	Phòng QLĐT, KTHH cấp huyện	2022-2025	15.000	100	5.000	5.000	4.900	CĐTPT	
4	Duy trì, phát triển CSDL Kinh tế công nghiệp và thương mại	Sở Công Thương		2022-2025	250	50	100	50	50	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
5	Dự án Nâng cao năng lực thông tin và thống kê Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ		2022	3.000	3.000				CĐTPT	Đã có chủ trương
6	Xây dựng phần mềm CSDL phục vụ công tác truy xuất, quản lý lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2022	200	200				CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
7	Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở NN&PTNT	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2022-2025	30.000	5.000	5.000	10.000	10.000	CTX	
8	Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu tài chính phục vụ công tác điều hành và quản lý ngân sách tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài chính		2022	1.500	1.500				CTX	
9	Phần mềm Quản lý dự án và quyết toán vốn đầu tư	Sở Tài chính		2022	2.300	2.300				CTX	
10	Phần mềm hỗ trợ và điều hành ngân sách	Sở Tài chính		2022	1.500	1.500				CTX	
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Sở Tài nguyên và Môi trường		2022-2025	10.000	3.000	2.000	2.000	3.000	CTX	
V	Pháo triển các ứng dụng, dịch vụ số										
V.1	Phục vụ hoạt động nội bộ của CQNN										

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
1	Phát triển Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (thuế dịch vụ)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã	2022-2025	10.000	2.500	2.500	2.500	2.500	CTX	
2	Nâng cấp Hệ thống Quản lý công việc UBND tỉnh (bao gồm ứng dụng tại các Sở ban ngành, UBND cấp huyện, xã)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã	2023	5.000		5.000			CTX	
3	Hệ thống thông tin báo cáo tình (cấp sở, huyện, xã); kết nối Hệ thống báo cáo Chính phủ (Thuế dịch vụ)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã	2022-2025	6.400	1.600	1.600	1.600	1.600	CTX	
4	Hệ thống Hội nghị truyền hình 3 cấp -tỉnh huyện xã; đảm bảo kết nối 4 cấp theo yêu cầu của Chính phủ	Sở TT&TT; UBND cấp huyện, xã	Các sở, ban, ngành, DN Viễn thông	2022-2025	50.000	14.000	12.000	11.000	13.000	CTX, CBTPT	
5	Tập huấn, triển khai các Hệ thống thông tin/Phần mềm ứng dụng do Bộ, ngành trung ương chủ trì	Các sở, ban, ngành	UBND cấp huyện, xã	2022-2025	5.500	1.200	1.400	1.400	1.500	CTX	
6	Dự án chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã	2022-2024	45.000	10.000	25.000	10.000		CBTPT	Đã có chủ trương
7	Triển khai ứng dụng Quản lý tài chính ngân sách của Bộ Tài chính	Sở Tài chính		2022-2024	3.000	1.000	1.000	1.000		CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
8	Hệ thống phòng họp không giấy (Thuế dịch vụ)	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã	2022-2025	6.800	1.700	1.700	1.700	1.700	CTX	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
V.2	Phục vụ người dân, doanh nghiệp										
1	Vận hành, phát triển ứng dụng trên nền tảng Cổng thông tin điện tử tỉnh (thuê dịch vụ)	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã	2022-2025	6.800	1.700	1.700	1.700	1.700	CTX	
2	Vận hành, phát triển Hệ thống Một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công trực tuyến (thuê dịch vụ)	Sở Thông tin và Truyền thông	Trung tâm PV-KSTTHC; các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, xã	2022-2025	7.200	1.800	1.800	1.800	1.800	CTX	
3	Thiết lập hồ sơ sức khỏe điện tử (tiếp tục); bệnh án điện tử ; khám chữa bệnh từ xa	Sở Y tế	Bệnh viện, Trung tâm Y tế	2022-2025	8.000	2.000	2.000	2.000	2.000	CTX	
4	Vận hành Sàn thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi	Sở Công Thương		2022-2025	400	100	100	100	100	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
5	Xây dựng Sàn giao dịch công nghệ ảo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	2022	300	300				CTX	
VI	Bảo đảm an toàn, an ninh mạng										
1	Xây dựng, phát triển Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh Quảng Ngãi	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2022-2025	10.000	2.500	2.500	2.500	2.500	CTX	

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
2	Xây dựng hệ thống thẩm định an ninh mạng, kiểm tra an ninh mạng, đánh giá điều kiện an ninh mạng, giám sát an ninh mạng, ứng phó khắc phục sự cố đối với hệ thống thông tin quan trọng	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2022-2023	2.000	1.000	1.000			CTX	
3	Tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện	2022-2025	1.200	300	300	300	300	CTX	
4	Nâng cao kỹ năng an toàn thông tin cho đội ngũ công chức viên chức trên môi trường số	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	2.000	500	500	500	500	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
5	An toàn thông tin cho các mạng LAN: Thiết bị, bản quyền phần mềm tường lửa; phần mềm phòng chống mã độc	Các Sở, ban ngành; UBND cấp huyện, xã	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	12.000	3.000	3.000	3.000	3.000	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị
6	Bản quyền phần mềm an ninh mạng cho các Trung tâm dữ liệu (Hệ thống ATTT Cấp độ 3)	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: TT&TT, TC; NV, TNMT		2022-2023	6.500	3.000	3.500			CTX	
7	Triển khai công tác đảm bảo an toàn an ninh mạng, diễn tập ATTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành; UBND cấp huyện	2022-2025	2.000	500	500	500	500	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khái toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
8	Xây dựng hệ thống thao trường mạng phục vụ huấn luyện, diễn tập, sách hạch an toàn thông tin phục vụ chính quyền điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	2023-2024	2.000		1.000	1.000		CTX	
1	Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho CBCCVV trong các CQNN tỉnh Quảng Ngãi	Sở Nội vụ, Sở TT&TT, UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành	2022-2025	2.000	500	500	500	500	CTX	
2	Đào tạo, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về việc ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức vùng DTTS, cán bộ làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở và đồng bào DTTS	Ban Dân tộc	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	CTX	
3	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, kỹ năng lãnh đạo Chuyển đổi số cho người đứng đầu các cấp trong các CQNN tỉnh Quảng Ngãi	Sở Nội vụ, Sở TT&TT, UBND cấp huyện, xã	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025	2.000	500	500	500	500	CTX	
4	Tổ chức truyền thông, nâng cao nhận thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ số cho người dân và toàn xã hội về Chính quyền điện tử, Chính quyền số, chuyển đổi số	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	4.000	1.000	1.000	1.000	1.000	CTX	Nguồn thường xuyên đơn vị

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Khải toán kinh phí	Kinh phí dự kiến theo năm kế hoạch				Nguồn vốn	Ghi chú
						2022	2023	2024	2025		
5	Xây dựng đội ngũ chuyên gia an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	2022-2025	2.000	500	500	500	500	CTX	
TỔNG KINH PHÍ					608.382	135.982	205.200	148.650	118.550		

* Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch (2022-2025) là: 608.382 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí phát sinh từ kế hoạch: 383.532 Triệu đồng
- Nguồn thường xuyên đơn vị các cấp: 91.850 Triệu đồng
- Tổng kinh phí dự án đã có chủ trương đầu tư: 133.000 Triệu đồng

* Ghi chú:

- Các nội dung, nhiệm vụ và kinh phí sẽ điều chỉnh, chuẩn xác trong quá trình xây dựng Kế hoạch hàng năm và thực hiện.
- Các nhiệm vụ trong từng hạng mục được xác định ưu tiên thực hiện theo thứ tự.